

Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Xuân Trường
- Ông Nguyễn Đức Bình;

-Thư ký phiên tòa: Trịnh Văn Ngọc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15/3/2024, về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 13/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1985. Có mặt.

Địa chỉ: Số C đường số C, tổ A, thôn C, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Danh G, sinh 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số C đường số C, tổ A, thôn C, xã V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 4/3/2024, cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị M và anh G tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Đ vào năm 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình chồng được 02 năm, thì ra ở riêng, nhà cửa do vợ chồng tự tạo lập. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 10 năm, thì phát sinh sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh G, ngoài thời gian đi làm, còn ở nhà thì không hề quan tâm, chăm sóc cho con cái, không bao giờ phụ giúp công việc nhà, mà đi ăn nhậu, nhiều khi không về nhà. Trước đây anh G đi làm còn đưa tiền cho vợ, còn những năm gần đây ít khi đưa tiền cho vợ để lo cho con ăn học. Nay chị M xác định không còn tình cảm yêu thương đối với anh G, nên yêu cầu ly hôn. Chị M và anh G có 04 con chung: Nguyễn Thị Thanh T sinh ngày 18/6/2004, hiện đi làm công nhân; Nguyễn Danh Tuấn K, sinh ngày 03/01/2010, còn đi học; Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 13/5/2011, còn đi học và Nguyễn Danh Bảo K1, sinh ngày 13/2/2020 hiện ở nhà. Chị M đi làm thu nhập chỉ 7.000.000 đồng/tháng, nên chị M không đủ khả năng nuôi 03 con, vì chị biết anh G không chịu cấp dưỡng. Bản thân anh G làm nghề tài xế, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Tài sản không tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh G không tham gia tố tụng, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh G về nội dung khởi kiện của chị M. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho anh G biết. Tuy nhiên, đến hôm nay anh G vẫn không có phản đối hay có kiến gì về khởi kiện của chị M.

Qua xác minh từ gia đình và chính quyền thôn, thì không rõ nguyên nhân mâu thuẫn của chị M và anh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Thẩm phán đã thụ lý hồ sơ vụ án đúng thẩm quyền, gửi thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh và các đương sự đúng thời hạn luật định, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Đối với Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng dân sự đã quy định, Thư ký phiên tòa thực hiện thủ tục tố tụng đúng quy định.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai, nên xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa hai bên là hợp pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Giao cho anh **G** nuôi 02 con **K** và **T1**; giao cho chị **G** nuôi cháu **K1** là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào nội dung, yêu cầu tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thẩm quyền:* Hiện bị đơn cư trú tại **huyện Đ**, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về việc vắng mặt của đương sự:* Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] *Về hôn nhân:* Hôn nhân giữa chị **Nguyễn Thị M** và anh **Nguyễn Danh G** là hợp pháp, vì hai bên đều tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại **UBND xã V** vào năm 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Theo chị **M** thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ 10 năm nay cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là xuất phát từ việc anh **G** không lo cho con cái và gia đình, mà sinh ra tụ tập bạn bè uống rượu, không hề quan tâm đến con cái, có bồ bịch, đi chơi có khi không về nhà. Bản thân chị **M** xác định

không còn tình cảm yêu thương anh **G**; Tòa án có động viên, thuyết phục chị **M** nên hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng chị **M** vẫn cương quyết ly hôn. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị **M** và anh **G** không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của chị **M**, giải quyết ly hôn là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cũng như quan điểm phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về tranh chấp nuôi con: Chị **M** và anh **G** có 04 con chung, hiện nay cháu **T** đã 20 tuổi và tự đi làm công nhân để nuôi sống bản thân. Còn cháu **K** và cháu **T1** có nguyện vọng sống với anh **G**. Xét thấy anh **G** có nghề lái xe và có thu nhập cao hơn chị **M** nên giao 02 cháu **K** và **T1** cho anh **G** nuôi dưỡng là phù hợp. Vì hiện tại cháu **K** và cháu **T1** đã lớn và biết tự chăm sóc bản thân và giúp việc gia đình. Riêng cháu **K1** mới 4 tuổi nên giao cho chị **M** nuôi dưỡng và không buộc bên nào phải cấp dưỡng là phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] *Về án phí*: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[9] Về kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 15 Luật Trẻ em; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Tuyên bố: Chị **Nguyễn Thị M** ly hôn anh **Nguyễn Danh G**.
2. Về nuôi con: Giao cho chị **Nguyễn Thị M** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: **Nguyễn Danh Bảo K1**, sinh ngày 13/2/2020. Anh **Nguyễn Danh G** trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con; Nguyễn Danh Tuấn K, sinh ngày 03/01/2010, còn đi học; Nguyễn Ngọc Anh T1, sinh ngày 13/5/2011. Chị M cũng như anh G được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004279 ngày 15/3/2024. Chị M đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (28/6/2024), bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
 -TAND tỉnh;
 -VKSND huyện;
 -CCTHADS huyện;
 -Đương sự;
 -Lưu./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
 THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thái